

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 05/03/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh

2. Bà Trần Thị Thanh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 và ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 02/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2021/TB-TA ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S (S); địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường X1, Phường Y1, Quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu P; sinh năm 1977; địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường X1, Phường Y1, Quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020) (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Hồ Thụy Thanh V, sinh năm 1990; địa chỉ: 27/7 đường X2, Phường Y2, Quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020, các bản tự khai của đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 15/6/2017, Ngân hàng S có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng) ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là

2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 40.418.422 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà V đã thanh toán cho ngân hàng với số tiền là 38.734.000 đồng

Do bà Hồ Thụy Thanh V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 01/12/2019 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Đến thời điểm khởi kiện Ngân hàng S yêu cầu buộc bà Hồ Thụy Thanh V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng S với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2020 là: 15.152.010 đồng (mười lăm triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm mười đồng), trong đó nợ gốc là 12.152.1010 đồng, lãi quá hạn là 3.033.216 đồng. Bà Hồ Thụy Thanh V phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/6/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

\* *Đối với bị đơn bà Hồ Thụy Thanh V:* Trong quá trình giải quyết vụ án Bà Hồ Thụy Thanh V không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng S.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng S với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2021 là: 19.371.696 đồng (mười chín triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc chốt đến ngày 30/11/2019 là 12.152.010 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/3/2021 là 7.219.686 đồng. Bà Hồ Thụy Thanh V phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn không yêu cầu tính phí phát sinh.

Việc nguyên đơn chốt nợ gốc đến ngày 30/11/2019 với số tiền là 12.152.010 đồng là căn cứ vào Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ

tạm tính đến ngày 01/3/2021 gồm nợ gốc là 10.270.254 đồng. Tiền lãi quá hạn: chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi quá hạn được tính trên số nợ gốc 10.270.254 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu về tiền gốc là 1.881.756 đồng và không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền 1.881.756 đồng.

Về tiền phí trễ hạn nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

\* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng S (S) và bà Hồ Thụy Thanh V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là Bà Hồ Thụy Thanh V có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

\* *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn - bà Hồ Thụy Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu nguyên đơn:*

Về khoản nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc chót đến ngày 30/11/2019 là 12.152.010 đồng.

Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ, lời khai của nguyên đơn cung cấp và bản sao kê ngày 01/3/2021 đã thể hiện bà Hồ Thụy Thanh V đã thực hiện các giao dịch sử dụng dịch vụ thẻ do nguyên đơn cung cấp, trong quá trình giao dịch bà V đã sử dụng số tiền giao dịch là 40.418.422 đồng, bà V thanh toán được số tiền là 38.734.000 đồng, sau khi trừ các khoản tiền bao gồm phí là 3.478.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày 31/7/2019 là 5.107.832 đồng và số tiền giao dịch 40.418.422 đồng, theo bảng sao kê thì thể hiện ngày cuối cùng bà V thanh toán cho ngân hàng đến ngày 31/7/2019, do đó số tiền nợ gốc (số tiền đã giao dịch) mà bị đơn còn nợ là 10.270.254 đồng.

Cụ thể: 38.734.000 - 3.478.000 đồng – 5.107.832 đồng - 40.418.422 đồng  
= - 10.270.254 đồng.

Việc nguyên đơn đề 04 tháng (từ ngày 31/7/2019 đến ngày 31/11/2019) kể từ khi bị đơn không thanh toán được nợ mới tiến hành chấm dứt hợp đồng và chuyển nợ quá hạn là quyền của nguyên đơn vì theo quy định tại Điều 23 về vi phạm phương thức thanh toán như sau: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và phải được trả bởi Chủ thẻ ....*

*Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ;*

*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ”*

Trong thời gian bốn tháng nêu trên nguyên đơn vẫn có quyền tính lãi phát sinh và phí theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên nguyên đơn không thể cộng dồn phí và lãi phát sinh vào nợ gốc đã chốt đến ngày 31/7/2019 với số tiền là 1.881.756 đồng và chốt nợ gốc đến hết ngày 30/11/2019 là 12.152.010 đồng (bao gồm tiền giao dịch (tiền vay) 10.270.254 đồng + phí và lãi phát sinh 1.881.756 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định nợ gốc bao gồm cả phí và lãi phát sinh, sau đó tính lãi quá hạn là chưa chính xác, sẽ dẫn đến việc tính lãi chồng lãi.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn xác định số nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn chốt đến ngày 31/7/2019 số tiền 10.270.254 đồng.

Không chấp nhận số nợ gốc tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 30/11/2019 là 1.881.756 đồng.

Xét về lãi vay: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc là 12.152.010 đồng tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử 01/3/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng. Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Ngày 17/10/2007, bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Ngân hàng S phát hành tại Việt Nam và theo Bảng mô tả ban hành kèm theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S áp dụng mức lãi suất cho thẻ tín dụng là 2,6%, mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, mức lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Theo quy định tại Điều 9 của Quyết định số: 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 5 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng:

*“Các yếu tố để tính lãi tiền gửi, tiền vay*

*Lãi tiền gửi, tiền vay được tính theo các yếu tố sau:*

*1- Lãi suất: Căn cứ vào mức lãi suất cụ thể của từng đợt huy động vốn hay loại cho vay được ghi trong sổ tiền gửi hoặc hợp đồng tín dụng;*

*2- Số tiền: Số tiền làm căn cứ để tính lãi là số tiền thực tế đã huy động của khách hàng hoặc số tiền thực tế đã cho khách hàng vay...”*

Như vậy số nợ gốc làm căn cứ tính lãi như nhận định ở phần trên xác định đến ngày 31/7/2019 là 10.270.254 đồng.

Do ngày 01/12/2019 nguyên đơn mới chấm dứt hợp đồng và chuyển số nợ gốc sang quá hạn và thời điểm từ ngày 01/8/2019 đến ngày 30/11/2019 nguyên đơn vẫn tính lãi trong hạn (2,6%/tháng) như bảng sao kê ngày 01/3/2021 là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Từ ngày 1/12/2019 đến ngày 01/3/2021 áp dụng quá hạn tính trên số nợ gốc là 10.270.254 đồng theo mức lãi suất 3,9%/tháng. Cụ thể tiền lãi như sau:

Thời gian 01/8/2019 đến ngày 31/11/2019 = 122 ngày; Số tiền lãi là:  $10.270.254 \text{ đồng} \times 122 \text{ ngày} \times 2,6\%/30 = 1.085.908 \text{ đồng (1)}$ .

Thời gian 01/12/2019 đến ngày 01/3/2021 = 457 ngày; Số tiền lãi là:  $10.270.254 \text{ đồng} \times 457 \text{ ngày} \times 3,9\%/30 = 6.101.558 \text{ đồng (2)}$ .

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là  $(1) + (2) = 7.187.466 \text{ đồng}$ .

Về phí phát sinh: từ ngày 01/8/2019 đến ngày 30/11/2019 do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Hồ Thụy Thanh V phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc và lãi quá hạn đến ngày 01/3/2021 là: 17.457.720 đồng, trong đó nợ gốc là 10.270.254 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến 01/3/2021 là 7.187.466 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.881.756 đồng và tiền lãi quá hạn là 32.220 đồng (7.219.686 – 7.187.466) đồng.

[3] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận trên số tiền là 17.457.720 đồng nên bị đơn - Bà Hồ Thụy Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 872.900 đồng.

Ngân hàng S phải chịu án phí trên số tiền Tòa án không chấp nhận yêu cầu với số tiền là 1.913.976 đồng ( $19.371.696 - 17.457.720$  đồng = 1.913.976 đồng hoặc  $1.881.756$  đồng + 32.220 = 1.913.976 đồng) số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Sau khi trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 379.630 đồng cho Ngân hàng S theo biên lai số AA/2019/0015721 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ngân hàng S được nhận lại số tiền là 79.630 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S:

Buộc bà Hồ Thụy Thanh V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng số tiền là: 17.457.720 đồng, trong đó nợ gốc là 10.270.254 đồng, lãi quá hạn tính đến 01/3/2021 là 7.187.466 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S trong việc yêu cầu bà Hồ Thụy Thanh V thanh toán tiền nợ gốc là 1.881.756 đồng và tiền lãi quá hạn là 32.220 đồng.

Bà Hồ Thụy Thanh V phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 02/3/2021 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thụy Thanh V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 872.900 đồng (tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Ngân hàng S phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Sau khi căn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 379.630 đồng cho Ngân hàng S theo biên lai số AA/2019/00015721 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ngân hàng S được nhận lại số tiền là 79.630 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Thu Thủy**